

## CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THỊ DUNG\* - LÊ ĐÌNH DƯƠNG\*\*

Ngày nhận: 16/12/2022

Ngày phản biện: 27/12/2022

Duyệt đăng: 15/4/2023

**Tóm tắt:** Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhận thức rõ về vị trí, vai trò chiến lược của vấn đề dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Thành tựu của hơn 35 năm đổi mới đã khẳng định quan điểm, chủ trương, chính sách dân tộc được Đảng đề ra, từng bước được bổ sung, thể chế hoá, cụ thể hoá và hiện thực hoá trong đời sống xã hội, tạo dựng niềm tin và có sức tập hợp, đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bài viết tập trung làm rõ một số nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc.

**Từ khóa:** Chính sách dân tộc; Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới; Việt Nam.

### Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, các dân tộc thiểu số (DTTS) cư trú chủ yếu trên địa bàn miền núi, có vị trí chiến lược quan trọng cả về chính trị, kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Trong mỗi giai đoạn lịch sử, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã được xây dựng, bổ sung, từng bước hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của đất nước. Trong thời kỳ đổi mới, các nguyên tắc, quan điểm cơ bản về vấn đề dân tộc tiếp tục được khẳng định và bổ sung nhằm phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### 1. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới

Chính sách dân tộc là một hệ thống các chủ trương, giải pháp, nhằm thực hiện quyền

bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc, trong đó có sự quan tâm đến các DTTS có trình độ phát triển kinh tế, xã hội thấp [6, tr.20].

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước thể hiện toàn diện trên các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Các bộ, ngành đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều nghị quyết, nghị định của Chính phủ và quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS & MN). Đến nay, có 118 chính sách dân tộc còn hiệu lực, bao gồm: 50 chính sách chung không nêu cụ thể đến DTTS, 13 chính sách chung có đề cập đến DTTS, 21 chính sách vùng có DTTS và 34 chính sách cho riêng vùng DTTS và đồng bào DTTS. Nổi bật nhất là Chương trình 135 (bắt đầu từ năm 1998),

\* Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng.

\*\* Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên.



Chương trình 30a (bắt đầu từ năm 2008) cùng với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (bắt đầu từ năm 1998) và các chính sách, chương trình, dự án khác đã hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, bảo tồn bản sắc văn hóa, giữ vững quốc phòng, an ninh và củng cố hệ thống chính trị cơ sở.

*Trên lĩnh vực kinh tế*, với mục tiêu thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa các nhóm đồng bào dân tộc thiểu số, phần lớn các chương trình của Nhà nước tập trung vào hỗ trợ sinh kế và tạo cơ hội xóa đói, giảm nghèo, như: Chương trình 143 (Chương trình xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm giai đoạn 2001 - 2005, được phê duyệt theo Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg, ngày 27-9-2001, của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình 135 (Chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa, được phê duyệt theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31-7-1998, của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình 134 (một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg, ngày 20-7-2004, của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình phân bổ đất rừng và trồng rừng; các chính sách về giáo dục, y tế,... Trong giai đoạn 2011 - 2018, có 205 chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi được ban hành. Trên cơ sở quy hoạch quốc gia theo vùng, ngành, lĩnh vực, các tỉnh xây dựng quy hoạch cụ thể, trong đó ưu tiên đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng có đồng

đồng bào DTTS nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển và cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng là điều kiện tiên quyết và có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN. Chính phủ đã ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, giai đoạn 2003-2008 khoảng 250 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2011-2015 là 690 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2016-2020 là 998 nghìn tỷ đồng để xây dựng hàng vạn công trình hạ tầng cho vùng đồng bào DTTS & MN, chủ yếu là giao thông, điện, thủy lợi, các công trình nước sạch, trường, lớp học, trạm y tế, nhà văn hóa, mạng lưới chợ. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng đồng bào DTTS & MN những năm gần đây đạt mức khá cao, giai đoạn 2016-2018 đạt bình quân trên 7% và tăng dần hằng năm, cao hơn bình quân chung cả nước (năm 2016 tăng 6,67%; năm 2017 6,89%; năm 2018, 7,56%); năm 2018, 21/52 địa phương có tốc độ tăng trưởng đạt trên 8%. Đời sống của đồng bào các DTTS ngày càng được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; bình quân toàn vùng đồng bào DTTS & MN giảm 2-3%/năm, riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm 3-4%/năm, các huyện nghèo giảm 5-6%/năm. Giai đoạn 2015-2018 có 8/64 huyện nghèo, 14/30 huyện nghèo hưởng cơ chế theo Nghị quyết 30a thoát khỏi tình trạng khó khăn, 124/2.139 xã và 1.322/20.176 thôn đặc biệt khó khăn ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135[1].

*Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội*, Chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình, thực hiện phát thanh truyền hình bằng tiếng DTTS được thực hiện với Chương trình Mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn



2012-2015, xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục, tăng cường chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân các dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội. Chương trình phủ sóng phát thanh truyền hình đưa thông tin về miền núi, vùng sâu, vùng xa, cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình đã tạo cơ hội cho đồng bào các DTTS tiếp cận với các dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh, truyền hình, mạng điện thoại di động đã phủ sóng khắp các địa bàn miền núi. Việc thực hiện phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS ngày càng được chú trọng. Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS về tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội, phong tục, tập quán, các loại hình nghệ thuật truyền thống được quan tâm thông qua việc tăng cường các thiết chế văn hóa cơ sở, đầu tư xây dựng các trung tâm văn hóa, thể thao xã, thôn bản. Việc gìn giữ tiếng nói, chữ viết của đồng bào các DTTS được thực hiện thông qua các hình thức tổ chức ngày hội, giao lưu văn hóa cấp vùng, miền, khu vực, từng dân tộc và các lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể. Công tác giáo dục vùng đồng bào DTTS & MN đã tăng về quy mô và chất lượng. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của các DTTS cho học sinh được thực hiện với 06 thứ tiếng là Mông, Chăm, Khmer, Gia Rai, Êđê. Công tác xóa mù chữ, xóa tái mù chữ cho đồng bào tiếp tục được quan tâm. Các chính sách hỗ trợ đào tạo, dạy nghề người DTTS đã giải quyết việc làm, tự tạo việc làm [6, tr.37-52].

*Về công tác cán bộ người DTTS* Luật Cán bộ, công chức (năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019); Luật viên chức (năm 2010, sửa

đổi, bổ sung năm, 2019); Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBDT cụ thể hóa các chính sách ưu tiên đối với cán bộ (kể cả cán bộ cấp xã) người DTTS; Quyết định số 402/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới...; Chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín được thực hiện với Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS. Theo đó, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng người DTTS đã được cấp uỷ, chính quyền quan tâm, từng bước khắc phục tình trạng hụt hẫng nguồn cán bộ DTTS; Công tác phát triển đảng viên và xây dựng cơ sở đảng ở vùng đồng bào DTTS & MN... Các chính sách nhằm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về mặt chính trị với nội dung cơ bản là phát huy quyền làm chủ của nhân dân các dân tộc; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Bảo đảm thực hiện nghiêm quyền bầu cử, ứng cử của công dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật. Xây dựng chính quyền nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cần bảo đảm tỷ lệ thích đáng người DTTS trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn, bảo đảm và thực sự tạo điều kiện, hướng dẫn thực hiện đối với đồng bào các DTTS quyền "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" những việc có quan hệ đến lợi ích thiết



thân của các DTTS ở cơ sở. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chú trọng công tác phát triển đảng viên là người DTTS, bảo đảm thôn, bản nào cũng có đảng viên; xã nào cũng có chi bộ hoặc đảng bộ cơ sở nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Làm tốt công tác cán bộ đảm bảo dân tộc nào cũng có cán bộ là người của mình. Chú trọng phát triển nguồn cán bộ cho miền núi và vùng DTTS. Đồng thời, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng họ, những người có uy tín trong cộng đồng DTTS, gia tăng sức mạnh cho cơ sở.

*Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại,* lực lượng quân đội đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương vùng đồng bào DTTS & MN triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều mô hình, cách làm hiệu quả thiết thực như “Cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc”, phong trào “Hũ gạo vì người nghèo”, “Xóa hộ đói, giảm hộ nghèo”, “Bò giống giúp người nghèo biên giới”, “Kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới”, “Nâng bước em đến trường”; hành trình “Quân đội chung tay vì sức khỏe cộng đồng”; hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật trồng rừng, chăn nuôi, trồng trọt... góp phần thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” của đồng bào DTTS. Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, chống âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và các thủ đoạn chống phá khác của các thế lực phản động, thù địch. Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS & MN và khu vực biên giới ngày càng được tăng cường. Lực lượng công an tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền vận động đồng bào DTTS chấp hành pháp luật, tích cực tham gia phong trào toàn

dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương nắm chắc tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, đấu tranh kiểm chế, đẩy lùi hoạt động tuyên truyền ly khai, tự trị, không để xảy ra tình hình phức tạp về an ninh chính trị ở vùng DTTS. Giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp liên quan hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng bất hợp pháp [3, tr.13-14]

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số vấn đề cần phải quan tâm nhiều hơn đối với vùng đồng bào DTTS & MN:

Cơ sở hạ tầng vùng DTTS vẫn còn thiếu và yếu kém, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo DTTS còn cao, giảm nghèo thiếu bền vững, đời sống đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn, khoảng cách chênh lệch về mức sống còn cao. Tình trạng di cư tự phát, nhà tạm, thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trong đồng bào DTTS chưa giải quyết có hiệu quả. Chính sách giao đất giao rừng chưa đảm bảo cho đồng bào DTTS sống gần bó với rừng. Khả năng tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản (điện, máy tính, mạng internet) của đồng bào còn khó khăn [3, tr.15].

Chất lượng văn hóa, chất lượng nguồn nhân lực ở vùng đồng bào DTTS & MN vẫn còn hạn chế, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống còn tồn tại. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS còn khó khăn. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng đồng bào DTTS & MN còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu, chưa gần với nhu cầu của xã hội. Còn hiện tượng người lao động các tỉnh giáp biên giới Trung Quốc, Lào, Campuchia xuất cảnh đi lao động tự do, bất hợp pháp, tiềm ẩn rủi ro về an ninh, trật tự xã hội và an toàn của người lao động [3, tr.16].



Tình hình an ninh, trật tự vùng đồng bào DTTS & MN vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn. Số vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai diễn biến khá phức tạp, chưa được giải quyết dứt điểm. Công cuộc phòng chống các loại tội phạm về ma túy, buôn lậu hàng hóa; lừa gạt, mua bán người qua biên giới; tàng trữ vũ khí quân dụng; xuất nhập cảnh trái phép... còn nhiều thách thức; tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Hiện tượng phá rừng, du canh du cư, di cư tự phát vẫn còn diễn ra. Các đối tượng phản động trong và ngoài nước vẫn chưa từ bỏ âm mưu thành lập các “nhà nước”, “vương quốc” tự trị; lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để lôi kéo, kích động, gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội và đoàn kết dân tộc [3, tr.20].

## **2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc**

*Một là, tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

Triển khai có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, có giải pháp thúc đẩy thay đổi sinh kế cho đồng bào DTTS. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển dân nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn gắn với thị trường, nâng cao giá trị cho sản phẩm. Hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; nhân rộng các mô hình hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản, độc đáo, giá trị cao phù hợp với tiềm năng, thế mạnh từng vùng thay thế cho sản phẩm đại trà để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ và có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư

phát triển nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất lớn, gắn kết với thị trường tiêu thụ và các hộ gia đình đồng bào DTTS. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm tại chỗ, việc làm ở các khu công nghiệp, thành thị cho đồng bào DTTS. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, người DTTS thuộc các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và thỏa thuận quản lý lao động qua biên giới với các nước láng giềng để hạn chế rủi ro cho đồng bào DTTS đi làm thuê ngắn hạn.

*Hai là, tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng, nâng tỷ lệ đạt chuẩn nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

Xây dựng cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN, nhất là các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, đường đến trung tâm các xã, thôn, bản, đường liên thôn; các công trình nước sinh hoạt, chợ, trường học, trạm y tế và nhà văn hóa phải được kiên cố hóa; đảm bảo các hộ DTTS được sử dụng điện lưới quốc gia. Bổ sung nguồn lực duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng vùng đồng bào DTTS & MN. Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải được các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của đồng bào. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Nghiên cứu đặc điểm để sửa đổi tiêu chí nông thôn mới vùng đồng bào DTTS & MN phù hợp



*Ba là, phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

Củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường phổ thông dân tộc bán trú, mở rộng trường phổ thông dân tộc bán trú ở các huyện nghèo. Phát triển các hình thức giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư trên địa bàn nhằm tạo điều kiện cho đồng bào DTTS học nghề, tự tạo việc làm, tham gia xuất khẩu lao động.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, chuẩn hóa các trạm y tế xã và các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, năng lực khám chữa bệnh ban đầu ở tuyến cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, bình đẳng giới, chăm sóc và bảo vệ quyền trẻ em DTTS. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ trang thiết bị cho các cơ sở quân - dân y kết hợp; quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế, chú trọng đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu, nhất là cán bộ DTTS người địa phương.

Có chính sách hiệu quả để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các DTTS. Tuyên

truyền, vận động đồng bào DTTS từng bước hạn chế tiến tới xóa bỏ các hủ tục lạc hậu. Tăng cường công tác truyền thông bằng tiếng dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nâng cao năng lực cho các phóng viên, biên tập viên các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS. Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai các hoạt động tuyên truyền trong vùng đồng bào DTTS. Hỗ trợ phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp phục vụ đồng bào DTTS; phát huy vai trò của các nghệ nhân dân gian; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ văn hóa là người DTTS.

### Kết luận

Trong thời kỳ đổi mới Đảng, Nhà nước Việt Nam đã có quan điểm, chính sách đúng đắn về vấn đề dân tộc nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay, để chính sách đối với đồng bào DTTS & MN thực sự phát huy tối đa hiệu quả đòi hỏi phải thực thi đồng bộ các giải pháp, đồng thời với việc xây dựng bộ máy chính quyền cấp cơ sở đủ năng lực tổ chức thực hiện, bảo đảm những điều kiện để đưa chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn hiệu quả, góp phần hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. ■

### Tài liệu tham khảo:

- [1] Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV, <https://quochoi.vn>.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc, tháng 10/2019.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [5] Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, <https://moj.gov.vn>.
- [6] Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.